

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 20/2019/KDTM-GĐT
Ngày 11 tháng 11 năm 2019
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- *Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:*
9/12 thành viên tham gia xét xử; do ông Phạm Văn Hà - Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội làm Chủ tọa phiên tòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Tuyết - Thẩm tra viên Phòng Giám đốc, kiểm tra về dân sự, kinh doanh thương mại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án kinh doanh, thương mại “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần H; địa chỉ: Phố H, quận D, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: Ông Lê Đình N và ông Nguyễn Thế Tr (Văn bản ủy quyền số 358/2016/UQ-HĐQT ngày 07/9/2016).

2. *Bị đơn:* Công ty C (tên cũ là Công ty TNHH M); địa chỉ: Phường H, quận A, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn H (Văn bản ủy quyền ngày 01/9/2016).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bộ C (cơ quan chủ quản của Công ty C); địa chỉ: Phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

3.2. Ngân hàng Phát triển V; địa chỉ: quận D, thành phố Hà Nội; người đại diện hợp pháp: Ông Trương Lê Trọng H (Văn bản ủy quyền số 135/GUQ-NHPT.HPH ngày 01/7/2014).

3.3. Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố H; địa chỉ: Phường Q, quận A, thành phố Hải Phòng; người đại diện hợp pháp: Ông Trần Thanh C.

3.4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P (tên cũ là Công ty Cổ phần A); địa chỉ: Phố H, phường Láng Hạ, quận D, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP H (do người đại diện) trình bày:

Ngân hàng TMCP H (sau đây viết tắt là M) ký kết với Công ty C (tên cũ là Công ty TNHH M, sau đây viết tắt là Công ty M) các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 0096/10/HP ngày 29/10/2010 với số tiền vay 5.700.000.000 đồng để thanh toán tiền mua nguyên liệu cho sản xuất kinh doanh; thời hạn vay 12 tháng, lãi kỳ đầu 16%/năm, quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Hợp đồng tín dụng số 0081/11/HP ngày 30/9/2011 với tổng hạn mức là 27.400.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cho vay tối đa 6 tháng.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên thể hiện tại các hợp đồng thế chấp tài sản như sau:

Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010: Tài sản thế chấp là công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của Công ty M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0361027 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/12/1994, bao gồm: Nhà kho lớn, nhà kho nhỏ, nhà xưởng sản xuất dây điện lắp ráp xe máy, sản xuất nhựa, linh kiện xe máy..., gắn liền với thửa đất có diện tích 15.205m² tại phường H, quận A, thành phố Hải Phòng, giá trị tài sản thế chấp 6.000.000.000 đồng (giá tham chiếu khi ký hợp đồng).

Ngày 28/9/2011, hai bên ký Văn bản thỏa thuận số 01/10/BĐ-VBSD sửa đổi Điều 3 hợp đồng thế chấp: Tài sản thế chấp bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ tài sản của bên thế chấp đối với Ngân hàng với tổng số tiền nợ gốc cao nhất là 27.400.000.000 đồng.

Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/01/2010 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi ngày 03/10/2011, tài sản bảo đảm bao gồm: 01 dây chuyền lắp ráp xe máy hoàn chỉnh; 01 dây chuyền sản xuất lắp ráp xe gắn máy; 01 dây chuyền đồng bộ lắp ráp máy xe máy Minsk mới 100%; 249 bộ linh kiện xe máy Tianmatm mới 100%, giá trị tài sản 1.678.655.300 đồng, thời hạn thế chấp 10 năm tính từ ngày 19/01/2010. Tài sản thế chấp đảm bảo cho một phần các nghĩa vụ trong tổng mức nghĩa vụ cao nhất.

Thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, M giải ngân cho Công ty M tổng số tiền là 27.400.000.000 đồng nhưng đến hạn Công ty M không thực hiện việc trả nợ nên từ ngày 28/10/2011, M chuyển khoản vay của Công ty M sang nợ quá hạn. Đến ngày 16/4/2012, Công ty M đã trả 200.000.000 đồng tiền gốc, 508.950.000 đồng tiền lãi trong hạn và 3.150.000 đồng lãi quá hạn. Tính đến ngày 24/3/2013, dư nợ của Công ty M là 39.046.657.635 đồng trong đó: Nợ gốc 27.200.000.000 đồng; Nợ lãi 8.761.826.387 đồng và lãi phạt quá hạn 3.084.831.248 đồng.

Ngày 30/3/2013, M làm đơn khởi kiện Công ty M. Quá trình hoàn thiện hồ sơ khởi kiện và để thực hiện việc trả nợ, M có thỏa thuận với Công ty M bán

Nhà máy dệt may xuất khẩu V (là tài sản đảm bảo của Công ty M tại Ngân hàng N - viết tắt D) để lấy tiền thanh toán nợ. Ngày 23/5/2013, M và Công ty M ký biên bản làm việc, Công ty M chấp thuận cho M phát mại Nhà máy dệt may xuất khẩu V thông qua Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố H (viết tắt Trung tâm bán đấu giá) để trả nợ vay của Công ty tại M và các khoản nợ khác của Công ty M.

Ngày 26/6/2013, M và Công ty M ký tiếp biên bản thỏa thuận, thống nhất các nội dung: Công ty M trực tiếp giao dịch và ký hợp đồng bán đấu giá tài sản với Trung tâm bán đấu giá tổ chức phát mại đấu giá Nhà máy dệt may Đình Vũ để trả nợ vay của Công ty M tại M, của D và các khoản nợ khác của Công ty; các chi phí phát sinh và thuế (nếu có) liên quan đến việc phát mại tài sản do M chịu trách nhiệm thanh toán; sau khi bán đấu giá thành công, toàn bộ số tiền thu được sẽ chuyển về tài khoản của Công ty M tại M, được ưu tiên thanh toán cho: nợ gốc 27.200.000.000 đồng của M, nợ gốc của D, phần còn lại để trả nợ khác của Công ty M; chậm nhất sau 3 ngày làm việc sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy dệt may Đình Vũ sang người trúng đấu giá (người mua được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), M có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ tài sản Công ty M đã thế chấp trước đây cho M.

Sau khi thực hiện việc bán đấu giá, Công ty Cổ phần A (sau đây gọi tắt là Công ty M, nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P) là người trúng đấu giá. Ngày 01/8/2013, Công ty M ký Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 57/HĐMB-BĐG với Trung tâm đấu giá (sau đây gọi tắt là Hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá số 57).

Tuy nhiên, khi Công ty M làm thủ tục sang tên thì không thực hiện được vì vậy xảy ra tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá và Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng đã thụ lý giải quyết.

Biên bản ngày 26/6/2013 giữa M với Công ty M không thực hiện được là do Công ty M không làm thủ tục để Công ty M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, M không thực hiện tiếp biên bản trên mà khởi kiện yêu cầu Công ty M:

Trả số nợ tính đến ngày 24/3/2013 là 39.046.657.635 đồng, trong đó nợ gốc là 27.200.000.000 đồng, nợ lãi 8.761.826.387 đồng và lãi phạt quá hạn 3.084.831.248 đồng. Trường hợp Công ty M không trả được nợ thì M đề nghị xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

M cho rằng Bộ C, Trung tâm đấu giá, Công ty M, D không có liên quan đến tranh chấp các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa M và Công ty M.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, dư nợ của Công ty M là 59.908.593.056 đồng, trong đó nợ gốc 27.200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 2.592.163.889 đồng, lãi quá hạn 30.116.429.167 đồng.

Bị đơn là Công ty C (do người đại diện) trình bày:

Công ty M xác nhận ký các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp với M cũng như dư nợ gốc tính đến ngày 16/9/2013 như M trình bày. Công ty M không có nghĩa vụ trả tiền nợ lãi vì tại Công văn số 3127/TB-TGD.15 ngày 10/6/2013, Tổng Giám đốc M đã đồng ý miễn toàn bộ lãi phát sinh đến thời điểm tất toán khoản vay với các điều kiện mà Công ty M đã thực hiện theo Biên bản thỏa thuận ngày 26/6/2013.

Đối với Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010, không công chứng, chứng thực nên không hợp pháp. Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0361027 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/12/1994 cho Công ty M, hai bên không có thỏa thuận thế chấp quyền sử dụng đất nhưng M lại giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty M là không đúng.

Do không có nguồn trả nợ M, Công ty M nhiều lần làm việc với M bàn biện pháp tìm nguồn thanh toán nợ vay. Tại Biên bản ngày 23/5/2013 và 26/6/2013, hai bên thống nhất bán đấu giá Nhà máy dệt may xuất khẩu V (là tài sản Công ty thế chấp tại D) để trả nợ cho các Ngân hàng. Thực hiện thỏa thuận ngày 26/6/2013, Công ty M ký hợp đồng bán đấu giá với Trung tâm bán đấu giá; Trung tâm bán đấu giá ký hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá với Công ty M. Nay Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là không có căn cứ.

Toàn bộ số tiền 46.420.000.000 đồng thu được từ bán đấu giá Nhà máy dệt may xuất khẩu V đã được chuyển vào tài khoản của Trung tâm bán đấu giá. Công ty M nhiều lần đề nghị Trung tâm bán đấu giá chuyển số tiền 27.200.000.000 đồng cho M để thanh toán khoản nợ vay nhưng chính M lại phong tỏa toàn bộ số tiền đấu giá thu được, không cho Trung tâm bán đấu giá thực hiện chuyển trả dẫn đến Công ty M không trả nợ được cho M.

Ngày 03/3/2014 và ngày 27/5/2014, Công ty M có các yêu cầu:

Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 19.NQ/10/TSTC ngày 19/01/2010 được hai bên thống nhất tại Biên bản thỏa thuận ngày 26/6/2013 sẽ được bàn giao lại cho Công ty M sau khi Nhà máy dệt may xuất khẩu V được phát mại và sang tên cho người mua. Việc bán Nhà máy dệt may xuất khẩu V đã thực hiện xong và được bàn giao cho người mua nhưng M vẫn yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp của Công ty M là không có cơ sở.

Theo thỏa thuận ngày 26/6/2013, số tiền bán đấu giá Nhà máy dệt may xuất khẩu V sẽ được trả nợ gốc cho M nên đề nghị Tòa án bù trừ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay 27.200.000.000 đồng của Công ty M với M trong số tiền bán đấu giá tài sản 46.420.000.000 đồng tại tài khoản Trung tâm bán đấu giá tại M.

Bị đơn đề nghị Tòa án xác định Trung tâm bán đấu giá và Công ty M là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16/9/2015, Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần H:

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần H tổng số tiền là 59.908.593.056 đồng; trong đó: Nợ gốc 27.200.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.592.163.889 đồng, lãi quá hạn 30.116.429.167 đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 0096/10/HP ngày 29/10/2010, Hợp đồng tín dụng số 0081/11/HP ngày 30/9/2011 và các khế ước nhận nợ: Khế ước nhận nợ số 00.96.01/10/HP ngày 29/10/2010, Khế ước nhận nợ số 00.96.02/10/HP ngày 02/11/2010, Khế ước nhận nợ số 0081.01/11/HP ngày 30/9/2011.

Nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M không trả được số tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần H thì Ngân hàng thương mại cổ phần H có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010, Văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp số 01/10/BĐVBSĐ ngày 28/9/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/01/2010, Văn bản thỏa thuận sửa đổi hợp đồng ngày 24/10/2011; các tài sản bảo đảm thế chấp là công trình xây dựng gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0361027, số vào sổ cấp giấy chứng nhận 00075.QSĐĐ/Q1 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/12/1994 cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên M, gồm:

+ Nhà kho lớn: Tổng diện tích sử dụng 920m²; diện tích xây dựng 920m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 1990;

+ Nhà kho nhỏ: Tổng diện tích sử dụng 270m²; diện tích xây dựng 270m², kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Nhà kho bán mái: Tổng diện tích sử dụng 822m²; diện tích xây dựng 822m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng lắp ráp xe máy: Tổng diện tích sử dụng 1.140m²; diện tích xây dựng 1.140m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng sản xuất nhựa, linh kiện xe máy: Tổng diện tích sử dụng 1.140m²; diện tích xây dựng 1.140m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng cơ khí đúc: Tổng diện tích sử dụng 440m²; diện tích xây dựng 440m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2003;

+ Nhà để máy nén khí: Tổng diện tích sử dụng $36m^2$; diện tích xây dựng $36m^2$; kết cấu công trình: Nhà cấp 4;

+ Hệ thống đường giao thông nội bộ: Kết cấu đổ bê tông chịu lực, rộng từ 6-8 m.

- Một dây chuyền lắp ráp xe máy hoàn chỉnh;

- Một dây chuyền sản xuất lắp ráp xe gắn máy;

- Một dây chuyền thiết bị đồng bộ lắp ráp máy xe máy Minsk;

- 249 bộ linh kiện xe máy Tianmatm100.

Công ty TNHH M có đơn đề ngày 28/9/2015 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 29/2016/KDTM-PT ngày 19/9/2016, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của Công ty C. Sửa Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H (M): Công ty C phải trả cho Ngân hàng TMCP H (M) số tiền nợ gốc là 27.200.000.000 đồng (Công ty M đã thực hiện xong nghĩa vụ).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP H (M) đòi Công ty C trả số tiền lãi là 32.708.593.056 đồng.

3. Buộc Ngân hàng TMCP H (M) phải trả lại Công ty C:

- Trả lại toàn bộ các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010, Văn bản thỏa thuận sửa đổi kèm theo số 01/10/BĐ-VBSĐ ngày 28/9/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản ngày 19/01/2010 và Văn bản thỏa thuận sửa đổi Hợp đồng ngày 03/10/2011 bao gồm:

+ Nhà kho lớn: Tổng diện tích sử dụng $920m^2$; diện tích xây dựng $920m^2$; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 1990;

+ Nhà kho nhỏ: Tổng diện tích sử dụng $270m^2$; diện tích xây dựng $270m^2$; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Nhà kho bán mái: Tổng diện tích sử dụng $822m^2$; diện tích xây dựng $822m^2$; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng lắp ráp xe máy: Tổng diện tích sử dụng $1.140m^2$; diện tích xây dựng $1.140m^2$; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng sản xuất nhựa, linh kiện xe máy: Tổng diện tích sử dụng $1.140m^2$; diện tích xây dựng $1.140m^2$; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch,

mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2002;

+ Xưởng cơ khí đúc: Tổng diện tích sử dụng 440m²; diện tích xây dựng 440m²; kết cấu công trình: Nhà khung thép, tường gạch, mái tole kẽm, nền xi măng, xây dựng năm 2003;

+ Nhà để máy nén khí: Tổng diện tích sử dụng 36m²; diện tích xây dựng 36m²; kết cấu công trình: Nhà cấp 4;

+ Hệ thống đường giao thông nội bộ: Kết cấu đổ bê tông chịu lực, rộng từ 6-8m.

+ Một dây chuyền lắp ráp xe máy hoàn chỉnh;

+ Một dây chuyền sản xuất lắp ráp xe gắn máy;

+ Một dây chuyền thiết bị đồng bộ lắp ráp máy xe máy Minsk;

+ 249 bộ linh kiện xe máy Tianmatm100.

- Trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0361027 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp ngày 01/12/1994 cho Công ty C.

4. Buộc Ngân hàng TMCP H (M) phải hoàn lại cho Công ty C số tiền 19.220.000.000 đồng (là số tiền bán đấu giá thu được sau khi đã trả 27.200.000.000 đồng tiền nợ gốc vay cho M).

5. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty C: Công ty C trả cho Ngân hàng N số tiền nợ gốc vay là 11.365.000.000 đồng và nộp cho Cục thuế Hải Phòng số tiền 4.220.000.000 đồng (theo Bản án dân sự phúc thẩm số 20/2016/DS-PT ngày 05/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng).

Sau khi xét xử phúc thẩm, Ngân hàng TMCP H, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P có đơn đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét lại Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 29/2016/KDTM-PT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo thủ tục giám đốc thẩm và đã được giải quyết tại Thông báo số 13/TLĐ-TANDCC-GĐKTII ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Tại Quyết định số 15/2018/KN-KDTM ngày 12/11/2018, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 29/2016/KDTM-PT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm hủy bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm nêu trên và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] M và Công ty M thống nhất về số tiền gốc mà Công ty M còn nợ M là 27.200.000.000 đồng; không khiếu nại về tài sản thế chấp, chỉ tranh chấp về số tiền lãi.

Tại Công văn số 3127/TB-TGD.15 ngày 10/6/2013 của Tổng Giám đốc M có nội dung đồng ý miễn toàn bộ lãi như Công ty M trình bày, nhưng có 3 điều kiện là: Công ty M hợp tác với Ngân hàng H trong việc thực hiện các thủ tục bán đấu giá Nhà máy Dệt may Đình Vũ, số tiền bán Nhà máy sẽ được dùng để trả nợ tất toán toàn bộ khoản vay của Công ty tại Ngân hàng H, thời gian thực hiện việc tất toán khoản vay không quá 30 ngày kể từ ngày bán đấu giá thành. 2. Ngân hàng phát triển phải có văn bản đồng ý cho phát mại Nhà máy Dệt may Đình Vũ để xử lý nợ. 3. Công ty M phải có văn bản ủy quyền cho Ngân hàng H được chủ động sử dụng số tiền thu được từ nguồn bán đấu giá để thanh toán khoản vay của Công ty tại Ngân hàng H và Ngân hàng phát triển.

Tại Biên bản thỏa thuận giữa Công ty M và M ngày 26/6/2013 có nêu tại mục 7: Chậm nhất sau 3 ngày làm việc sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy dệt may xuất khẩu V sang người trúng đấu giá (người mua được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), M có trách nhiệm bàn giao toàn bộ tài sản Công ty M đã thế chấp trước đây.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty M trả cho M số tiền lãi trong hạn và quá hạn; Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận thỏa thuận miễn lãi giữa các bên, nhưng Tòa án hai cấp chưa thu thập chứng cứ làm rõ Công ty M có thỏa mãn các điều kiện được miễn khoản tiền lãi hay không và thực tế người trúng đấu giá tài sản là Công ty M chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản theo hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá là chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

[2] Tại Công văn số 442/NHPT.HPH-TDI của Ngân hàng N ngày 30/9/2013, có nội dung xác nhận Ngân hàng N đã có Công văn số 1992/NHPT-TDĐT ngày 19/6/2013 chấp thuận cho Công ty M xử lý tài sản bảo đảm trên cơ sở đề nghị của đơn vị để trả nợ vay vốn TDĐT của Nhà nước. Tuy nhiên, Biên bản thỏa thuận ngày 26/6/2013 giữa M và Công ty M có thỏa thuận nội dung: chậm nhất sau 3 ngày làm việc sau khi hoàn tất thủ tục chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất tại Nhà máy dệt may xuất khẩu V sang người trúng đấu giá (người mua được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), Ngân hàng H có trách nhiệm bàn giao toàn bộ tài sản Công ty đã thế chấp trước đây cho Ngân hàng H. Thực tế, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (khi đang làm thủ tục thì xảy ra tranh chấp) nhưng Tòa án cấp phúc thẩm tuyên buộc Ngân hàng H phải trả lại tài sản thế chấp cho Công ty M là không đúng.

[3] Theo đơn đề nghị bổ sung ngày 07/5/2019 của Công ty Cổ phần Điện máy P thì ngày 30/6/2007, Xí nghiệp sản xuất dịch vụ thương mại (thuộc Công ty M Hải Phòng nay là Công ty C) được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần sản xuất xe máy và kinh doanh tổng hợp (nay là Công ty Cổ phần Điện máy P) theo Quyết định số 1575/QĐ-BTM ngày 29/9/2007 và Quyết định số 0776/QĐ-BTM

ngày 15/5/2007 của Bộ Thương mại. Theo đó, toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng trên diện tích 14.269m² được tách từ diện tích 15.205m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00075QSDD/Q1 ngày 01/12/1994 do Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Điện máy P. Điều này được thể hiện rõ tại biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động từ Xí nghiệp sản xuất dịch vụ thương mại sang Công ty Cổ phần Sản xuất xe máy và kinh doanh tổng hợp (nay là Công ty Cổ phần Điện máy P) ngày 27/7/2009 được Bộ C phê duyệt.

Căn cứ Biên bản bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động ngày 27/7/2009, Công ty C và Công ty Cổ phần Điện máy P đã có biên bản thỏa thuận về việc xác định tiền thuê và thuê đất phải nộp giữa hai công ty trên lô đất có diện tích 15.205m² thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00075 QSDD/Q1 ngày 1/12/1994 của Công ty Cổ phần Điện máy P; tại Biên bản xác định Công ty Cổ phần Điện máy P sử dụng 14.269m², Công ty C sử dụng 936m². Công ty Cổ phần Điện máy P đã thực hiện việc nộp tiền thuê, thuê đất đầy đủ cho diện tích sử dụng 14.269m² từ thời điểm được bàn giao cho đến nay .

Tuy nhiên, Công ty C thế chấp toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng nằm trên diện tích 15.205m² của Công ty Cổ phần Điện máy P cho Ngân hàng H theo Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010 mà không có sự bảo lãnh của Công ty Cổ phần Điện máy P.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật, ngày 12/4/2017, Chi cục Thi hành án dân sự quận A, thành phố Hải Phòng đã lập biên bản cưỡng chế giao trả nhà và công trình xây dựng cho Công ty C. Ngày 13/4/2017, Công ty C thông báo trả lại toàn bộ nhà xưởng, công trình xây dựng cho Công ty Cổ phần Điện máy P. Sau đó, do công trình xây dựng, nhà xưởng xuống cấp làm ảnh hưởng hư hại đến tài sản cũng như quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Điện máy P nên Công ty đã cải tạo, nâng cấp và sửa chữa lại toàn bộ các công trình này. Do đó, khi xét xử lại vụ án cần phải xem xét giá trị pháp lý của Hợp đồng thế chấp công trình xây dựng số 01/10/BĐ ngày 18/01/2010 giữa Công ty C và Ngân hàng H và phải đưa Công ty Cổ phần Điện máy P vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của Công ty Cổ phần Điện máy P và để giải quyết hậu quả của việc thi hành án.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bộ C, Ngân hàng N, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố H, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P) vào tham gia tố tụng là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tham gia hai cấp xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm tự đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều là vi phạm thủ tục tố tụng.

[5] Ngân hàng H khởi kiện Công ty C về tranh chấp hợp đồng tín dụng; Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P (tên cũ là Công ty Cổ phần A) khởi kiện Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố H về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản bán đấu giá. Nguyên đơn và bị đơn của hai vụ án này

khác nhau nhưng quan hệ tranh chấp cần giải quyết có liên quan tới tài sản bán đấu giá là Nhà máy dệt may xuất khẩu V. Do vậy, để giải quyết toàn diện đối với tài sản thế chấp được bán đấu giá và đảm bảo quyền lợi của các đương sự, khi giải quyết lại vụ án Tòa án cần xem xét việc nhập hai vụ án để giải quyết trong cùng một vụ án theo Điều 42 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343; Điều 345 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

1. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 29/2016/KDTM-PT ngày 19/9/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng và Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 03/2015/KDTM-ST ngày 16/9/2015 của Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần H với bị đơn là Công ty C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bộ C; Ngân hàng N; Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản thành phố H, Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý bất động sản P.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận A, thành phố Hải Phòng xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDCC tại Hà Nội (để biết);
- TAND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận A, TP. Hải Phòng
(02 bản kèm hồ sơ vụ án);
- Chi cục THADS quận A, TP. Hải Phòng
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, P. HCTP, P. GDKTIL, HSGĐT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
CHÁNH ÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hà